TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2026/DS-ST
Ngày: 16 - 4 - 2026
V/v:"tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thu Hương

2. Ông Trương Quang Lương

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Phúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử án Dân sự Toà án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2026/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Phú H, xã Trường P, tỉnh Quảng Trị. Bà Đoàn Thị B có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Hiền T, sinh năm 1992 và ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 5 Nam L, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị; nơi ở hiện nay: Số 158 Nguyễn Khánh T, phường Nghĩa Đ, TP. Hà Nội. Bà Trần Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Phần trình bày của nguyên đơn bà Đoàn Thị B tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại biên bản hòa giải, tại phiên tòa:*

Bà B có quen biết bà Trần Thị Hiền T, vì tin tưởng nên bà B đã thỏa thuận cho vợ chồng bà Trần Thị Hiền T, ông Nguyễn Thanh T vay tiền ngày 16/3/2019. Bà Đoàn Thị B (bên cho vay) cho bà Trần Thị Hiền T và chồng là ông Nguyễn Thanh T (bên vay) vay số tiền là 800.000.000 đồng để đầu tư làm

ăn ở Lào. Lãi suất thỏa thuận, chưa đưa vào giấy vay viết tay và giao tiền mặt. Không có thỏa thuận về thời hạn vay đến nay bà Trần Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T hứa hẹn trốn tránh không gặp mặt bà B và không trả tiền cho bà B. Bà B đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại nhưng đều không liên lạc được.

Ngày 27/3/2025 bà B đã gửi văn bản đề nghị hoàn trả tiền vay, gửi đến bà Trần Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T với nội dung yêu cầu bên vay thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã vay cho bà B chậm nhất đến ngày 31/3/2025. Tuy nhiên đến nay đã hơn 8 tháng kể từ ngày bà B làm yêu cầu bên vay thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền, bên vay vẫn chưa trả tiền nợ gốc cho bà B.

Do đó, bà B yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Đề nghị Toà án buộc bà Trần Thị Hiền T và chồng là ông Nguyễn Thanh T phải hoàn trả cho bà Đoàn Thị B số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

- Đề nghị Toà án tuyên buộc bà Trần Thị Hiền T và chồng là ông Nguyễn Thanh T phải trả cho bà Đoàn Thị B số tiền lãi phát sinh từ nợ gốc theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến thời điểm hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

**Phần trình bày của bị đơn bà Trần Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T tại bản tự khai ngày 23 tháng 02 năm 2026 và phiên hòa giải:*

Bà T và ông Nguyễn Thanh T có nhận số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) từ bà Đoàn Thị B với mục đích để đầu tư làm ăn ở Lào.

Theo như giấy nhận tiền ngày 16/3/2019, sau khi nhận tiền, vợ chồng bà T đầu tư làm xưởng than và xưởng gỗ. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid 19, công việc làm ăn gặp khó khăn và thua lỗ. Do đó, vợ chồng bà T chưa thể trả đủ số tiền 800.000.000 đồng mà bà Đoàn Thị B đã đưa cho vợ chồng bà T.

Nay bà B khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà T cùng chồng là ông Nguyễn Thanh T hoàn trả số tiền 800.000.000 đồng thì vợ chồng bà T đề nghị Tòa án tạo điều kiện hòa giải thương lượng để giải quyết nội dung vụ việc. Đối với yêu cầu buộc vợ chồng bà T thanh toán tiền lãi phát sinh từ nợ gốc theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày bản án có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì bà T xin Tòa án tạo điều kiện về mặt thời gian để hai bên thỏa thuận thương lượng về phương án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/3/2026 tại Tòa án, bà T ông T cùng trình bày: Bà T và ông T có nhận số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) từ bà Đoàn Thị B với mục đích để đầu tư làm ăn ở Lào. Theo như giấy nhận tiền ngày 16/03/2019, sau khi nhận tiền, vợ chồng bị đơn đầu tư làm xưởng than và xưởng gỗ. Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19, công việc làm ăn trở nên khó khăn và thua lỗ. Do đó, vợ chồng bị đơn chưa thể trả đủ số tiền 800.000.000 đồng mà bà Đoàn Thị B đã đưa cho vợ chồng bị đơn.

Nay bà B khởi kiện tại Toà án yêu cầu vợ chồng bị đơn là Nguyễn Thanh T và Trần Thị Hiền T hoàn trả số tiền 800.000.000 đồng thì bị đơn đề nghị bà Đoàn Thị B tạo điều kiện chia sẻ khó khăn với bị đơn để chỉ đòi số tiền gốc 300.000.000 đồng, bị đơn cam đoan trong vòng 05 năm kể từ ngày 16/3/2026 thì bị đơn sẽ thanh toán hết số tiền gốc 300.000.000 đồng cho bà Đoàn Thị B.

Đối với yêu cầu buộc vợ chồng bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh từ nợ gốc theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày bản án có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn không đồng ý.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị đã phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản giữa cá nhân và cá nhân không vì mục đích lợi nhuận, bị đơn có địa chỉ tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, do đó Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải.

*Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên hòa giải, viết bản tự khai và tham gia tại phiên tòa.

*Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến

của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đòi lại tài sản là tranh chấp theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền về loại việc và thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các đương sự tự thỏa thuận với nhau để đi đến thống nhất giải quyết vụ án, nhưng không có kết quả. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Hiền T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Hiền T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu Toà án buộc bà Trần Thị Hiền T và chồng là ông Nguyễn Thanh T phải hoàn trả cho bà Đoàn Thị B số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trình bày bà T và ông T đã nhận số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) từ bà Đoàn Thị B với mục đích để đầu tư làm ăn ở Lào, theo như giấy nhận tiền ngày 16/3/2019 mà các bên đã ký kết. Tại giấy nhận tiền ngày 16/3/2019 không có thỏa thuận về thời hạn vay cũng như lãi suất. Ngày 27/3/2025 bà B đã gửi văn bản đề nghị hoàn trả tiền vay, gửi đến bà Trần Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T với nội dung yêu cầu bên vay thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã vay cho bà B chậm nhất đến ngày 31/3/2025. Tuy nhiên đến nay đã hơn một năm kể từ ngày bà B gửi văn bản yêu cầu bên vay thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền, bên vay vẫn chưa trả tiền nợ gốc cho bà B.

Căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh có đủ căn cứ để xác định bà T và ông T đã nhận số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) từ bà Đoàn Thị B với mục đích để đầu tư làm ăn ở Lào, theo như giấy nhận tiền ngày 16/3/2019 mà các bên đã ký kết và đến nay bà T và ông T chưa trả số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) cho bà Đoàn Thị B.

Đối với đề nghị của bị đơn tại phiên hòa giải đề nghị bà Đoàn Thị B tạo điều kiện chia sẻ khó khăn với bị đơn để chỉ đòi số tiền gốc 300.000.000 đồng, bị đơn cam đoan trong vòng 05 năm kể từ ngày 16/3/2026 bị đơn sẽ thanh toán hết số tiền gốc 300.000.000 đồng cho bà Đoàn Thị B thì bà B không nhất trí với đề nghị này. HĐXX thấy việc bị đơn thừa nhận đã nhận số tiền 800.000.000

đồng (Tám trăm triệu đồng) từ bà Đoàn Thị B đến nay vẫn chưa trả cho bà B là đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó cần tôn trọng quyền tự định đoạt của bà B.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì có đủ cơ sở khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị Hiền T và chồng là ông Nguyễn Thanh T phải hoàn trả cho bà Đoàn Thị B số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà B yêu cầu Toà án tuyên buộc bà Trần Thị Hiền T và chồng là ông Nguyễn Thanh T phải trả cho bà Đoàn Thị B số tiền lãi phát sinh từ nợ gốc theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến thời điểm hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, HĐXX thấy rằng: Tại giấy nhận tiền ngày 16/3/2019 không có thỏa thuận về lãi suất cụ thể, do đó căn cứ theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó việc nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi phát sinh từ nợ gốc theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến thời điểm hoàn thành nghĩa vụ trả nợ là đã chia sẻ khó khăn với bị đơn và phù hợp pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn bà Trần Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm **36.000.000 đồng** để sung quỹ Nhà nước.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 269, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Áp dụng Điều 166, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị B đối với bị đơn bà Trần Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Buộc bị đơn bà Trần Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T cùng liên đới có nghĩa vụ trả lại cho bà Đoàn Thị B số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bị đơn bà Trần Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là **36.000.000 đồng** để sung quỹ nhà nước.

2.2 Nguyên đơn bà Đoàn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Nguyên đơn - bà Đoàn Thị B số tiền tạm ứng án phí **18.000.000 đồng** đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000149, ký hiệu: BLTU/26E ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/4/2026). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự**;**
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa